TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 489/2021/HC-PT
Ngày 16 - 12 - 2021
V/v khởi kiện:
1. Quyết định hành chính về việc bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất.
2. Quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 540/2018/TLPT-HC ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2470/2021/QĐPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lai Sủi S, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã L, H. C, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông S: Ông Lê Minh Q, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Quang Lê - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tiến D – Chủ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đ và UBND tỉnh Đ: Ông Nguyễn Văn T - Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ (có mặt).

2.3. Ủy ban nhân dân huyện C

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Đại T - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3.2. Ông Lai Đức N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3.3. Bà Lai Thị Ngọc C, sinh năm 1999 (vắng mặt).

3.4. Bà Tô Thị M, sinh năm 1936 (vắng mặt).

3.5. Bà Lai Nhộc H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã L, H. C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của bà P, bà C, ông N, bà M, bà H: Ông Lai Sủi S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

3.6. Bà Lai Thị Nhã T (Lai Nhã T, Lai Ya-C), sinh năm 1980. Địa chỉ: Km43, quận Z, Thành phố C, Đài Loan (vắng mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lai Sủi S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:*

- Ông khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông Ray gồm:

+ 01 phần Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung công trình hồ chứa nước Sông Ray (phần hộ gia đình ông Lai Sủi S); Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho ông Lai Sủi S.

+ Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2576/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ông Lai Sủi S yêu cầu hủy các quyết định trên của UBND tỉnh Đ và

UBND huyện C vì các lý do sau:

- Xác định sai vị trí đất:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/04/2012 của Bộ Công an về khái niệm khu dân cư; Công văn số 3023/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11/08/2010. Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã hướng dẫn khi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai xin ý kiến về việc xác định khu dân cư; đồng thời đối chiếu lịch sử hình thành, phát triển của huyện Cẩm Mỹ thì diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi là đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư.

Gia đình ông có nhà trên đất ở nông thôn (300m^2 đất thổ cư) theo Giấy chứng nhận QSDĐ đã được UBND huyện Xuân Lộc cấp năm 2001. Tại Báo cáo số 105/BC-TTPQĐ ngày 26/12/2011 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện cẩm Mỹ báo cáo về lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung cũng đã xác định "Như vậy, trong tổng số 372 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị thu hồi đất thực hiện dự án có 202 hộ có nhà ở trên đất nông nghiệp, đủ điều kiện hỗ trợ đất nông nghiệp xen trong khu dân cư theo ý kiến chỉ đạo của thủ tướng chính phủ tại công văn số 8325/VPCP-KNTN ngày 22/11/2011".

Ngoài ra, tại khoản 1 Phần II của thông tư 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 188/2004/NĐ-CP cũng đã hướng dẫn rất rõ "Nếu khu đất có từ 1 đến 3 yếu tố về khoảng cách liền kề, hoặc gần nhất so với nơi cư trú của người sử dụng đất, thị trường tiêu thụ nông sản phẩm, đường giao thông nhưng có một hoặc một số yếu tố lợi thế đối với sản xuất nông nghiệp chỉ đạt mức trung bình, hoặc dưới mức trung bình vẫn được phân thành vị trí số 1", trong khi đó đất bị thu hồi của gia đình ông có nhà ở ngay trên đất canh tác, có điều kiện tưới tiêu tốt (gần sông, suối, ao, hồ), đất bị thu hồi có đường giao thông liền xã kết nối với hệ thống giao thông liên huyện, liên tỉnh nên việc tiêu thụ nông sản phẩm cũng rất thuận tiện.

Như vậy, dù đất bị thu hồi của gia đình ông nằm ở vị trí 3, song do đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm lại nằm trong khu dân cư hiện hữu nên đủ điêu kiện để được bồi thường mức giá đất như đất trồng cây lâu năm ở vị trí số 1 khu vực cùng xã theo Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đ.

- Không hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề đối với toàn hộ diện tích nhà, đất bị thu hồi theo khoản 2 Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004

Do đất nông nghiệp bị thu hồi nằm xen kẽ khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp, gia đình ông còn phải được nhận hỗ trợ theo mức 30% giá đất ở liền kề theo Quyết định số 3061/2005/QĐ-UBND ngày 30/08/2005 của UBND tỉnh Đ.

Báo cáo kết luận số 1345/BC-TTCP ngày 01/06/2011 của Thanh Tra Chính phủ cũng đã kiến nghị Thủ Tướng Chính Phủ cho phép các hộ dân có nhà ở riêng lẽ trên đất nông nghiệp bị thu hồi được hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định 84/2007/NĐ-CP, và đã được Thủ Tướng Chính Phủ chấp thuận theo Công văn 3930/VP-CP-KNNN ngày 15/06/2011. UBND tỉnh Đ tại Công văn số 7232/UBND-NC ngày 21/10/2011 báo cáo Thủ Tướng Chính Phủ xin phép được giải quyết chính sách nay cho các hộ dân có nhà ờ riêng lẻ trên đất bị thu hồi thuộc Dự án hồ chứa nước Sông Ray của tỉnh Đồng Nai tương tự như đã được Thủ Tướng Chính Phủ cho phép tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, và tại Công văn số 8325/VPCP-KNNN ngày 22/11/2011 Thủ Tướng Chính Phủ đã chấp thuận đề xuất này của UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên, đến nay gia đình ông vẫn chưa được hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi.

- Việc áp giá đền bù đối với đất ở bị thu hồi không đúng quy định: Tại Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 và ngay tại Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 05/08/2008 của UBND tỉnh Đ v/v Phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án hồ chứa nước Sông Ray đã quy định rất cụ thể: Giá bồi thường, hỗ trợ đối với đất ở nông thôn vị trí 3 là 150.000 đồng/m^2. Thế nhưng, UBND huyện C chỉ áp giá đền bù, hỗ trợ đối với 300m^2 đất ở bị thu hồi của gia đình ông là 80.000 đồng/m^2 là trái quy định của pháp luật, là gây thiệt hại quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

- Việc bồi thường, hỗ trợ cây trồng không thỏa đáng với thực tế chi phí và công sức đã đầu tư: Việc căn cứ Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 14/02/2005 của UBND tỉnh Đ để áp giá đền bù cây trồng cho các hộ là đúng quy định nhưng chưa thật sự hợp lý, và thiếu khoa học. Bởi chi phí để chăm sóc, trồng cây lâu năm từ lúc còn cây giống đến khi cho thu hoạch phải là từ 2 đến 4 năm. Đây không phải là khoản thời gian ngắn và cũng trong thời gian này gia đình ông không hề có một khoản thu lợi nào từ vườn cây, mà còn phải bỏ công chăm sóc, tưới tiêu, phân bón. Do đó, nếu chỉ tính giá trị của 1 năm kể từ lúc bắt đầu thu hoạch là không tương xứng với thời gian, chi phí và công sức lao động mà gia đình ông đã bỏ ra.

- Việc xác định số nhân khẩu khi thực hiện chính sách hỗ trợ không thỏa đáng: Thực tế lúc ban đầu gia đình ông chỉ có 01 hộ khẩu, tuy nhiên sau đó do phát sinh việc lập gia đình nên gia đình ông đã xin tách thêm 01 hộ khẩu ghép (cùng địa chỉ với hộ khẩu gốc). Việc Ủy ban nhân dân huyện C không công nhận 03 nhân khẩu của hộ ghép mới tách ra khi thực hiện chính sách hỗ trợ là không hợp lý.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Ngày 04/7/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 6677/QĐ-UBND thu hồi diện tích 5.104.779,6m^2 đất tại xã Lâm San, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ giao cho Ủy ban nhân dân huyện C trực tiếp quản lý để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng hồ chứa nước Sông Ray.

Ngày 07/6/2008 tổ kiểm kê tiến hành kiểm kê hiện trạng tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên thửa đất 326A, tờ bản đồ địa chính số 04, xã Lâm San do ông Lai Sủi S sử dụng, sau khi kiểm kê xong đoàn và ông Lai Sủi S thống nhất với kết quả kiểm kê, lập biên bản được các thành viên tham gia, chủ hộ và đại diện Ủy ban nhân dân xã Lâm San ký nhận.

Ngày 21/10/2008 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1506/QĐ-UBND thu hồi 19.335m^2 đất thuộc thửa 326A, tờ bản đồ địa chính số 04, xã Lâm San do ông Lai Sủi S đang sử dụng.

Căn cứ các quy định của pháp luật và giấy tờ có liên quan của thửa đất và biên bản kiểm kê, đo đạc tài sản của người có tài sản (mẫu 2) do tổ công tác kiểm tra dã ngoại lập, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lập bảng chiết tính giá trị bồi thường, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định tỉnh thẩm định và được UBND tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 (đợt 4) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông Lai Sủi S là: 781.348.000đ.

Ngày 11/12/2008 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện phối hợp với Ngân hàng NN&TPNN chi nhánh Sông Ray, UBND xã Lâm San tiến hành chi trả toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 4 cho ông Lai Sủi S. Ông Lai Sủi S đã nhận đủ số tiền và bàn giao mặt bằng.

Tuy nhiên, để hỗ trợ cho người dân có đất bị thu hồi đỡ phần khó khăn, UBND tỉnh Đ có văn bản số 7232/UBND-NC ngày 21/10/2011 về việc báo cáo xin ý kiến Chính phủ về giải quyết khiếu nại của các công dân ngụ tại huyện Cẩm Mỹ, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: "*cho phép các hộ dân có nhà ở trên đất nông nghiệp phải thu hồi, được hỗ trợ đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/8/2007 và khoản 2, Điều 10 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 01/12/2004 của Chính phủ "* (thuộc dự án hồ chứa nước Sông Ray), được Chính phủ chấp thuận tại công văn số 8325/VPVP-KNTN ngày 22/11/2011.

Ngày 05/12/2011 UBND tỉnh Đ có văn bản số 8574/UBND-TCD về việc rà soát, lập hồ sơ phê duyệt hỗ trợ cho các hộ dân có đất bị thu hồi thực hiện công trình Hồ chứa nước Sông Ray tại huyện Cẩm Mỹ; Văn bản số 974/UBND-TH ngày 13/12/2011 của UBND huyện C về việc lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để xây dựng hồ chứa nước Sông Ray;

UBND huyện đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Lâm San xác định hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hỗ trợ bổ sung 30% giá đất ở liền kề, lập bảng chiết tính hỗ trợ bổ sung, tổng hợp trình thẩm định và được UBND huyện C phê duyệt tại Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 07/05/2012 với tổng số tiền hỗ trợ cho ông Lai Sủi S là: 45.000.000đ. Ông Lai Sủi S đã nhận đủ số tiền hỗ trợ nêu trên.

Như vậy trình tự lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lai Sủi S bị thu hồi đất xây dựng công trình hồ chứa nước sông Ray, tại xã sông rây, Lâm san, huyện Cẩm Mỹ là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

Do không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện C, hộ ông Lai Sủi S có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện C và Chủ tịch UBND tỉnh Đ, đơn khiếu nại của ông Lai Sủi S đã bị UBND huyện và UBND tỉnh bác toàn bộ nội dung.

** Đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND tỉnh Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày:*

Ngày 04/7/2006, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 6677/QĐ-UBND thu hồi 5.104.779,6m^2 đất tại các xã Lâm San, Sông Ray, huyện Câm Mỹ giao cho UBND huyện C trực tiếp quản lý để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray. Ngày 21/10/2008 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1506/QĐ-UBND thu hồi 19.335m^2 đất thuộc thửa 326A, tờ bản đồ địa chính số 04, xã Lâm San do ông Lai Sủi S đang sử dụng.

Căn cứ các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ lập tờ trình và được UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông Ray tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 (đợt 4). Ông Lai Sủi S đã nhận đủ số tiền bồi thường đất, cây trồng, tài sản trên đất.

Ngày 16/02/2009, ông Lai Sủi S có đơn gửi UBND huyện C khiếu nại yêu cầu được bồi thường đất theo vị trí 1, yêu cầu được hồ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư (hỗ trợ từ 20-50%), khiếu nại về giá bồi thường cây trồng, vật kiến trúc thấp và yêu cầu hỗ trợ trường hợp có 08 nhân khẩu trở lên.

Ngày 25/5/2009, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 615/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Lai Sủi S. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C, ông Lai Sủi S tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Sau khi Thanh tra tỉnh thẩm tra xác minh và có Báo cáo số 146/BC-TT ngày 25/8/2009; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu

nại lần hai số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 bác nội dung khiếu nại của ông Lai Sủi S.

- Về nội dung ông Lai Sủi S yêu cầu được bồi thường đất ở: Theo mục đích sử dụng đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp ngày 31/12/2001 cho ông Lai Sủi S thì diện tích đất 19.335m^2 đất bị thu hồi của ông Lai Sủi S là đất trồng cây lâu năm (không công nhận đất ở). Do đó Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Mỹ tính toán bồi thường theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung yêu cầu bồi thường đất trồng cây lâu năm vị trí 1: Diện tích đất bị thu hồi của ông Lai Sủi S không đủ điều kiện để phân loại vị trí 1 và vị trí 2, do đó tính toán áp giá bồi thường vị trí 3 cho ông Lai Sủi S là đúng.

- Về nội dung yêu cầu hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư theo Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và theo Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ:

Căn cứ Điểm 4, Phần II Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ, quy định: "Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư phải là thừa đất nằm trong khu dân cư... " và căn cứ Điểm 1, mục VII Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 của Bộ trường Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ: "*Diện tích được hỗ trợ theo quy định là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp; đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc khu vực sâu: trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch khu dân cư nông thôn hoặc đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt...".* Theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của xã Lâm San được ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất số 1426/QĐ-UBH ngày 21/12/2001 của UBND huyện Xuân Lộc và Quyết định điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng chi tiết số 02/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của UBND huyện C thì vị trí thửa đất của ông Lai Sủi S thuộc quy hoạch đất nông nghiệp, UBND huyện C xác định khu vực đất này không phải là khu dân cư.

- Về nội dung ông Lai Sủi S khiếu nại giá bồi thường cây trồng, vật kiến trúc thấp:

Tại thời điểm thu hồi đất, lập hồ sơ bồi thường cho ông Lai Sủi S trong năm 2008. Căn cứ theo Điều 19, Điều 24 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường nhà, công trình xây dựng trên đất; bồi thường cây trồng, vật nuôi "…*theo giá ở địa phương tại thời điểm thu*

hồi đất". Hội đồng bồi thường áp giá bồi thường theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-UBND ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt theo Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 là đúng quy định.

- Về nội dung ông Lai Sủi S yêu cầu 01 suất tái định cư (hộ phụ) trường hợp 08 nhân khẩu trở lên: Căn cứ khoản 5, Điều 4 Quyết định 08/2007/QĐ-UBND ngày 10/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định về trình tự, thủ tục, chính sách và tiêu chuẩn tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: "Hộ gia đình có 08 đến 12 nhân khẩu sống trong cùng một hộ, cùng chung hộ khẩu, có diện tích đất thu hồi lớn hơn hoặc bằng 80m^2 thì được xét giao thêm 01 suất tái định cư hộ phụ". Xét thấy trường hợp của ông Lai Sủi S tại thời điểm thu hồi đất gia đình ông Lai Sủi S có 02 hộ khẩu với số nhân khẩu là 08 người, không phải 08 người trong cùng 01 hộ khẩu; ông Lai Sủi S và bà Tô Thị M (mẹ ông Lai Sủi S) cung sinh sống và sản xuất trên diện tích đất bị thu hồi, trên đất chỉ có 01 căn nhà. Ngày 21/8/2009 Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản số 1135/UBND thống nhất xem xét, hỗ trợ cho ông Lai Sủi S 01 suất tái định cư (hộ phụ)

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lai Sủi S đã được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, 2005.

Từ các nội dung trên, Chủ tịch UBND tỉnh Đ và UBND tỉnh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lai Sủi S.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lai Thị Nhã T (Lai Nhã T, Lai Ya-C) trình bày:*

Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lai Sủi S. Bà T đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, công khai chứng cứ, xét xử tại Tòa án.

Tại Bản án số 10/2018/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm d Điều 157, khoản 1, khoản 3 Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

- Căn cứ Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; các Điều 6, 9, 10, 18, 19, 27, 28, 29, 30, 32, 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004; Điều 63 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Luật khiếu nại tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung các năm 2004, 2005; Điều 18 Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 10/1/2007; Quyết định số 10/QĐ-UBT ngày 10/1/2007, Quyết định

28/2007/QĐ-UBND ngày 17/4/2007, Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 29/12/2006, Quyết định 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đ;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lai Sủi S về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: 01 phần Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung công trình hồ chứa nước Sông Ray (phần hộ ông Lai Sủi S); Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho ông Lai Sủi S. Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 16/8/2018, người khởi kiện ông Lai Sủi S kháng cáo toàn bộ bản án vì bản án không trình bày hết tình tiết của vụ kiện.

Tại đơn kháng cáo người khởi kiện ông Lai Sủi S cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không khách quan, không phù hợp với quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ông Nguyễn Văn T là người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lai Sủi S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lai Sủi S giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên và xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Lai Sủi S khởi kiện yêu cầu hủy 1 phần Quyết định 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của UBND tỉnh Đ về phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ có liên quan đến hộ ông Lai Sủi S; Quyết định 556/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ do thu hồi đất không đúng pháp luật, cụ thể:

+ Xác định vị trí đất không đúng dẫn đến việc áp giá bồi thường không phù hợp.

+ Không hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư.

+ Không xem xét bồi thường đối với đất ở.

+ Mức hỗ trợ giá cây trồng không hợp lý.

Đồng thời yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

[1]. Về hình thức:

Trên cơ sở Quyết định số 6677/QĐ-UBND ngày 04/7/2006 của UBND tỉnh Đ thu hồi 5.104.779,6m^2 đất tại các xã Lâm San, Sông Ray thuộc huyện Cẩm Mỹ để thực hiện dự án hồ chứa nước Sông Ray và Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của UBND huyện C thu hồi 19.335m^2 đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của hộ ông Lai Sủi S đang sử dụng, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và UBND huyện C ban hành Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Do có khiếu nại của ông Lai Sủi S đối với mức bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất và đã tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại nên Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 là đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

+ Đối với Quyết định 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của UBND tỉnh Đ và Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND huyện C.

[2.1]. Về nội dung không bồi thường nhà ở, xác định vị trí đất nông nghiệp và áp dụng hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư:

- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lai Sủi S ngày 31/12/2001 của UBND huyện C thì toàn bộ thửa 326A tờ bản đồ số 4 xã Lâm San được xác định là đất trồng cây lâu năm, không có đất ở. Do đó ông Lai Sủi S cho rằng trên đất bị thu hồi có nhà nên phải xem xét bồi thường theo mức giá đất ở là không có căn cứ.

- Đối với xác định vị trí đất nông nghiệp: Theo biên bản ngày 03/8/2009 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cẩm Mỹ và Thanh tra huyện Cẩm Mỹ đã xác định toàn bộ khu vực đất bị thu hồi cách mốc giới đường quốc lộ 312m và không có đường liên huyện, liên xã. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Quyết định số 69/2007/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Đ thì đất bị thu hồi được xác định vị trí 3 là phù hợp. Ông Lai Sủi S cho rằng đất bị thu hồi của ông là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư nên theo điểm d, khoản 10, Điều 1 Nghị định 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 thì phải được áp mức đền bù, hỗ trợ đất nông nghiệp vị trí 1.

- Theo điểm 4, phần II Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định "Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư

phải là thửa đất trong khu dân cư" và tại điểm l, mục VII của Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 có quy định: "Diện tích được hỗ trợ theo quy định là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, đất ao vườn trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc khu vực sâu; trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch khu dân cư nông thôn hoặc đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt...".

- Căn cứ Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất số 1426/QĐ-UBH ngày 21/12/2001 của UBND huyện Xuân Lộc và Quyết định điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng chi tiết số 02/QĐ-UBND ngày 27/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Từ các căn cứ nêu trên thì thửa đất bị thu hồi của ông Lai Sủi S không thuộc quy hoạch khu dân cư nên không đủ điều kiện xác định là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư như yêu cầu của ông Lai Sủi S.

[2.2]. Đối với yêu cầu hỗ trợ bổ sung 30% giá đất ở cho đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp do hiện chỉ được nhận hỗ trợ đối với 1500m^2. Đây là phần hỗ trợ khác mà Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý theo văn bản số 8325/VPCP-KNTN theo quy định tại Điều 32 Nghị định 197/2004/NĐ-CP không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP. Trên cơ sở Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung do thu hồi đất, UBND huyện C ban hành Quyết định 556/QĐ-UBND hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lai Sủi S 45.000.000 đồng tương đương 5 lần hạn mức đất ở, do đó ông Lai Sủi S yêu cầu hỗ trợ đối với toàn bộ thửa đất là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, xét thấy:

Do các quyết định hành chính gồm Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất số 4000/QĐ-UBND, Quyết định số 3811/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ; Quyết định phê duyệt kinh phí số 556/QĐ-UBND của UBND huyện C được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, có nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên việc UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2576/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 bác khiếu nại của ông Lai Sủi S về mức đền bù, hỗ trợ do thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lai Sủi S là đúng quy định của pháp luật. Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa ông Lai Sủi S không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Lai Sủi S nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Lai Sủi S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193, Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Điều 39, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; các Điều 6, 9, 10, 18, 19, 27, 28, 29, 30, 32, 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 63 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lai Sủi S về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: 01 phần Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung công trình hồ chứa nước Sông Ray (phần hộ ông Lai Sủi S); Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 07/5/2012 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho ông Lai Sủi S; Quyết định giải quyết khiếu nại số 615/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2576/QĐ- UBND ngày 10/9/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm ông Lai Sủi S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) ông Lai Sủi S đã nộp tại biên lai thu số 005037 ngày 16/08/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cấp cao tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, PMT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba